**Hoàn thiện pháp luật về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp**

*Luật Quản lý sử dụng vốn đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp đã được ban hành hơn 10 năm. Tuy nhiên, với các hoạt động, vận hành của Luật này trong những năm vừa qua cũng đã bộc lộ nhiều tồn tại, hạn chế. Trong phạm vi bài viết, tác giả tập trung phân tích: (i) quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và những vấn đề đề bất cập; và (ii) các giải pháp nhằm hoàn thiện quy định pháp luật hiện hành về vấn đề trên.*

**1. Đặt vấn đề**

Luật số 69/2014/QH13 là văn bản có giá trị pháp lý cao trong hoạt động đầu tư vốn nhà nước vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; theo đó, việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước đầu tư tại các DNNN đã được hoàn thiện phù hợp với yêu cầu đổi mới, hội nhập; tạo môi trường pháp lý đầy đủ, đồng bộ, ổn định cho hoạt động quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước và doanh nghiệp; đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp cùng việc tăng cường sự kiểm tra, giám sát của Nhà nước trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản; Luật hóa những quy định của Chính phủ trước đây đang thực hiện ổn định và có hiệu quả, bổ sung thêm các nội dung mang tính định hướng, nguyên tắc chung đang diễn ra trong thực tiễn cần phải có sự quản lý của Nhà nước như các nội dung về cổ phần hóa, chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại doanh nghiệp, chuyển nhượng vốn tại công ty cổ phần có vốn nhà nước. Việc ban hành Luật số 69/2014/QH13 là bước đột phá trong hoạt động quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Tuy nhiên, với các hoạt động, vận hành của Luật này trong những năm vừa qua cũng đã bộc lộ nhiều tồn tại, hạn chế, ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp cũng như chưa đáp ứng được các định hướng, chủ trương mới của Đảng trong việc xây dựng một khuôn khổ, một khu vực doanh nghiệp nhà nước rất quan trọng.

**2. Quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và những vấn đề bất cập**

***2.1. Quy định của pháp luật hiện hành về phạm vi đầu tư***

Tương ứng với mỗi hình thức đầu tư có quy định phạm vi đầu tư vốn cụ thể khác nhau1; theo đó, Chính phủ quy định cụ thể danh mục các ngành, nghề, lĩnh vực thuộc phạm vi đầu tư vốn nhà nước2. Tuy nhiên, việc quy định danh mục các ngành nghề, lĩnh vực được đầu tư vốn nhà nước cụ thể làm bó hẹp phạm vi đầu tư vốn của nhà nước trong trường hợp cần thiết, không đảm bảo tính linh hoạt, chưa đáp ứng được yêu cầu trong quản lý, điều hành của Nhà nước trong thực tiễn (ví dụ như trường hợp Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP thực hiện tăng vốn điều lệ để hỗ trợ tài chính do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19; tuy nhiên, lĩnh vực kinh doanh hàng không dân dụng không nằm trong phạm vi đầu tư bổ sung vốn nhà nước theo quy định hiện hành; do vậy, Nhà nước không thực hiện được việc đầu tư bổ sung vốn vào Tổng công ty Hàng không Việt Nam để duy trì tỷ lệ nắm giữ).

Ngoài ra, văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng có nêu: *“Tiếp tục thực hiện sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, tập trung giữ vững những lĩnh vực then chốt, thiết yếu; những địa bàn quan trọng về quốc phòng, an ninh; những lĩnh vực mà doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác không đầu tư. Củng cố, phát triển một số tập đoàn kinh tế nhà nước có quy mô lớn, hoạt động hiệu quả, có khả năng cạnh tranh khu vực và quốc tế trong một số ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế. Bảo đảm công khai, minh bạch trong cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, nhất là trong cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp... Tiền thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước được quản lý tập trung và chỉ sử dụng cho đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng trọng điểm, quan trọng quốc gia, địa phương và bổ sung vốn điều lệ cho một số doanh nghiệp nhà nước then chốt quốc gia thuộc 4 lĩnh vực Nhà nước đầu tư và nắm giữ vốn theo quy định*3*”.*

 Như vậy, Nhà nước cần đầu tư đầu tư vốn tập trung vào những lĩnh vực then chốt, thiết yếu, những địa bàn quan trọng và quốc phòng, an ninh, những lĩnh vực mà doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác không đầu tư và đầu tư vào doanh nghiệp có hoạt động đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng trọng điểm, quan trọng quốc gia, địa phương; đây là những lĩnh vực mà theo chủ trương của Đảng cần phải Nhà nước nắm giữ.

Cũng theo văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, để thực hiện *Chiến lược phát triển đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, một trong *các nhiệm vụ, giải pháp* văn kiện trình Đại hội XIII đã đề ra là hướng tới kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp; bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa - xã hội; đây cũng là xu hướng phát triển của nhiều quốc gia trên thế giới trong những năm gần đây. Tuy nhiên, quy định pháp luật hiện hành về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp chưa thể chế hóa được định hướng này.

Bên cạnh đó, các doanh nghiệp tuy không thuộc ngành, nghề, lĩnh vực Nhà nước cần nắm giữ hay bổ sung thêm vốn, nhưng thực trạng hoạt động sản xuất, kinh doanh thua lỗ, tình hình tài chính khó khăn, rất khó thu hút nhà đầu tư trên thị trường nhận chuyển nhượng từ chủ sở hữu Nhà nước; do vậy, việc xem xét để đầu tư bổ sung vốn để tái cơ cấu, phục hồi sản xuất, kinh doanh, lành mạnh hóa tình hình tài chính để thu hút nhà đầu tư khác cũng là việc cần thiết. Theo quy định hiện hành, việc đầu tư này là không thực hiện được.

***2.2. Quy định của pháp luật hiện hành về hình thức đầu tư***

Luật 69/2014/QH13 quy định có 4 hình thức đầu tư vốn vào doanh nghiệp bao gồm: (i) Thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; (ii) Bổ sung vốn cho doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đang hoạt động; (iii) Bổ sung vốn để tiếp tục duy trì tỷ lệ cổ phần, vốn góp của Nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; (iv) Đầu tư vốn để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp. Việc đầu tư vốn nhà nước để thành lập mới doanh nghiệp theo quy định hiện hành chỉ có quy định thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, không quy định đối với việc thành lập mới doanh nghiệp là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên; do vậy, thiếu cơ sở pháp lý để Nhà nước thực hiện thành lập mới các doanh nghiệp dưới loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên hoặc công ty cổ phần.

Ngoài ra, các hình thức đầu tư bổ sung vốn cho doanh nghiệp đang hoạt động đầu tư bổ sung vốn để tiếp tục duy trì tỷ lệ cổ phần, vốn góp của Nhà nước hay đầu tư vốn để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp về bản chất chỉ là hoạt động Nhà nước đầu tư bổ sung vốn, góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp vào doanh nghiệp, là hình thức đầu tư vốn nhà nước vào một doanh nghiệp đang hoạt động.

***2.3. Quy định của pháp luật hiện hành về nguồn vốn đầu tư***

Luật số 69/2014/QH13 giải thích từ ngữ đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp *là việc Nhà nước sử dụng vốn từ ngân sách nhà nước hoặc vốn từ các quỹ do Nhà nước quản lý để đầu tư vào doanh nghiệp*4. Tuy nhiên, hiện nay, Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp đã chuyển toàn bộ về ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp; do vậy, nguồn vốn từ Quỹ này để đầu tư vào doanh nghiệp hiện nay không còn. Ngoài ra, theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, nguồn vốn đầu tư từ ngân sách vào doanh nghiệp thuộc nội dung chi đầu tư phát triển; từ khi Luật số 69/20141/QH13 có hiệu lực đến nay, việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp trực tiếp từ ngân sách rất ít. Như vậy, các nguồn lực của Nhà nước để đầu tư vào doanh nghiệp theo quy định hiện hành còn rất hạn chế; việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp từ ngân sách nhà nước theo quy trình, thủ tục chung của dự toán, chi, quyết toán ngân sách nhà nước, do đó khó đảm bảo tính linh hoạt, kịp thời trong trường hợp cần thiết.

Ngoài ra, Nhà nước có thể sử dụng các nguồn lực khác như tài sản, nguồn vốn khác thuộc sở hữu của nhà nước để đầu tư vào doanh nghiệp. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 38 Luật số 69/2014/QH13, việc chuyển giao dự án, công trình đầu tư công từ cơ quan, tổ chức quản lý dự án, công trình đầu tư công về doanh nghiệp là một trong các trường hợp chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp, trong khi bản chất đây là hoạt động đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp từ các tài sản thuộc sở hữu của Nhà nước. Do vậy, cần xác định lại nguồn vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp không chỉ từ ngân sách nhà nước và các Quỹ như quy định hiện nay của Luật số 69/2014/QH13 mà bao gồm tất cả các tài sản, nguồn vốn khác thuộc sở hữu hợp pháp của Nhà nước.

***2.4. Quy định của pháp luật hiện hành về xác định vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp***

Theo quy định tại khoản 8 Điều 3 Luật số 69/2014/QH13, vốn nhà nước tại doanh nghiệp bao gồm vốn từ ngân sách nhà nước, vốn tiếp nhận có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước; vốn từ quỹ đầu tư phát triển tại doanh nghiệp, quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp; vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước và vốn khác được Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp. Tuy nhiên, “*vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước*” và *“vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh”* bản chất là nghĩa vụ nợ của doanh nghiệp với Nhà nước và khi phát sinh nghĩa vụ bảo lãnh của Chính phủ về nghĩa vụ nợ của doanh nghiệp với tổ chức tín dụng mà chưa thể xác định là vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp; việc xác định “*vốn khác được Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp*” và “*vốn tiếp nhận có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước”* khi xác định nguồn hình thành để xác định vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp là rất khó cụ thể hóa khi thực thi Luật. Hiện nay, không còn “*Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp* *tại doanh nghiệp*” và nguồn của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp cũng thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Ngoài ra, theo quy định tại khoản 8, khoản 9 Điều 3 Luật số 69/2014/QH13 cũng quy định: “*Đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp là việc Nhà nước sử dụng vốn từ ngân sách nhà nước hoặc vốn từ các quỹ do Nhà nước quản lý để đầu tư vào doanh nghiệp”* và *“Vốn của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bao gồm vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp và vốn do doanh nghiệp huy động”*.

Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 44, Điều 4, Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13: *“Vốn nhà nước bao gồm vốn ngân sách nhà nước; công trái quốc gia, trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương; vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ; vốn từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp; vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước; vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh; vốn vay được bảo đảm bằng tài sản của Nhà nước; vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước; giá trị quyền sử dụng đất”.*

Như vậy, việc xác định vốn nhà nước tại doanh nghiệp còn bất cập ngay trong nội hàm và đang còn có nhiều cách hiểu khác nhau. Số liệu, thông tin về vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp chưa đảm bảo được tính chính xác, liên tục, lũy kế giữa các kỳ báo cáo. Vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp là một khái niệm trọng yếu, xuyên suốt của Luật, là cơ sở để nhà nước quản lý vốn đã đầu tư tại các doanh nghiệp. Do vậy, cần phải xác định một cách rõ ràng, cụ thể vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo đúng bản chất kinh tế.

***2.5. Quy định của pháp luật hiện hành về* *trình tự, thủ tục, thẩm quyền đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp***

Luật Đầu tư công5 và Luật Đầu tư6 đã quy định việc đầu tư, quản lý, sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước tại doanh nghiệp thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. Luật số 69/2014/QH13 cũng đã quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện Luật số 69/2014/QH13 bộc lộ một số hạn chế về thẩm quyền, trình tự, thủ tục đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp. Cụ thể:

+ Theo quy định hiện hành, Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập tập đoàn kinh tế, công ty có chức năng đầu tư kinh doanh vốn nhà nước; quyết định đầu tư bổ sung vốn nhà nước vào các doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ thành lập và quyết định mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp có tiêu chí tương đương với dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A theo quy định của Luật Đầu tư công. Hiện nay, có 28 doanh nghiệp (bao gồm cả các ngân hàng thương mại có vốn đầu tư của nhà nước) do Thủ tướng Chính phủ thành lập; việc phân cấp thẩm quyền quyết định đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp như hiện nay làm tăng khối lượng công việc, sự vụ của Thủ tướng Chính phủ, giảm vai trò của cơ quan đại diện chủ sở hữu - cơ quan đóng vai trò là “nhà đầu tư Nhà nước” tại doanh nghiệp.

+ Việc phân cấp thẩm quyền quyết định đầu tư vốn căn cứ vào tiêu chí mức vốn tương đương của dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C theo quy định pháp luật về đầu tư công; tuy nhiên, các ngành, nghề, lĩnh vực quy định pháp luật về đầu công không bao quát hết các ngành, nghề, lĩnh vực của doanh nghiệp có vốn nhà nước đầu tư (ví dụ như đầu tư vào các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực tài chính, bảo hiểm, chứng khoán...). Do vậy, cần xác định tiêu chí để phân cấp thẩm quyền đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp phù hợp để đảm bảo cơ sở pháp lý để thực hiện đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.

+ Luật số 69/20141/QH13 không quy định cụ thể về hồ sơ, trình tự, thủ tục đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp với vai trò của cơ quan chủ sở hữu; các nội dung này chủ yếu được quy định cụ thể tại các văn bản dưới Luật.

Theo quy định hiện hành, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương thành lập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp do cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn quyết định thành lập. Tuy nhiên, Luật số 69/2014/QH13 không quy định về trình tự, thủ tục để trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư.

**3. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật hiện hành về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp**

*Thứ nhất,* xác định rõ mục tiêu, yêu cầu đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp thay vì quy định phạm vi, các ngành, nghề, lĩnh vực quy định cụ thể như hiện hành để đảm bảo việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp được linh hoạt, kịp thời, phù hợp với thực tế phát sinh, không cụ thể hóa các ngành, nghề lĩnh vực. Theo đó:

*Một là,* Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp với mục tiêu nắm giữ và quản lý các lĩnh vực then chốt, thiết yếu; những địa bàn quan trọng về quốc phòng, an ninh; những lĩnh vực mà doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác không đầu tư, tập trung vốn cho quá trình chuyển đổi nền kinh tế đất nước theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các - bon thấp; bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa - xã hội; doanh nghiệp có hoạt động đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng trọng điểm, quan trọng quốc gia; Nhà nước đầu tư vốn vào doanh nghiệp dẫn dắt, thúc đẩy, tạo động lực phát triển cho nền kinh tế - xã hội; Đầu tư vốn vào doanh nghiệp nhằm thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ tái cơ cấu nền kinh tế, tái cơ cấu doanh nghiệp…

*Hai là*, việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp phải đáp ứng yêu cầu đúng mục tiêu, phục vụ quản lý, điều hành vĩ mô của nhà nước, hoạt động hiệu quả, cạnh tranh bình đẳng với các doanh nghiệp trong nước, khu vực và quốc tế.

*Thứ hai,* hình thức đầu tư vốn vào doanh nghiệp bao gồm:

+ Thành lập mới doanh nghiệp.

+ Bổ sung vốn, góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp tại các doanh nghiệp.

*Thứ ba,* Nhà nước với vai trò nhà đầu tư thực hiện quyền chủ sở hữu vốn như các nhà đầu tư khác. Quy định rõ vốn nhà nước sau khi đã đầu tư tại doanh nghiệp để thực hiện nghĩa vụ góp vốn chủ sở hữu được xác định là tài sản/vốn của pháp nhân doanh nghiệp theo quy định của Bộ Luật Dân sự bảo đảm nguyên tắc bình đẳng, tự chủ trong hoạt động của pháp nhân là doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, cần bổ sung quy định rõ nguyên tắc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp. Theo đó, việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp phải tuân thủ các trình tự, thủ tục, thẩm quyền quy định tại Luật này; Đảm bảo theo đúng mục tiêu, yêu cầu, bảo toàn, phát triển và hiệu quả vốn đầu tư của nhà nước; Việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp được thực hiện thông qua cơ quan đại diện sở hữu vốn theo quyết định của cấp có thẩm quyền; Vốn đầu tư của nNhà nước đảm bảo linh hoạt, kịp thời, bình đẳng giữa nhà nước với các nhà đầu tư khác và được công khai, minh bạch; Việc bố trí vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

*Thứ tư,* xác định rõ mức vốn đầu tư của Nhà nước tại doanh nghiệp, không liệt kê các nguồn vốn như quy định hiện hành. Theo đó, vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp là mức vốn do cơ quan đại diện sở hữu vốn đầu tư tại doanh nghiệp và doanh nghiệp đã ghi nhận đủ vốn tương ứng với tỷ lệ vốn góp tại điều lệ và giấy chứng nhận đăng ký của doanh nghiệp. Cần quy định rõ nguồn vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp bao gồm:

Một là, ngân sách nhà nước: Quy định riêng nội dung chi từ ngân sách để đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp (hiện nay là nội dung chi đầu tư phát triển) và trình tự thủ tục theo quy định pháp luật về ngân sách để có cơ sở lập dự toán, thực hiện các thủ tục chi đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp để đảm bảo Nhà nước chủ động trong việc bố trí nguồn vốn đầu tư vào doanh nghiệp; trên cơ sở đó, sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật về ngân sách cho phù hợp để triển khai thực hiện.

Hai là, tài sản thuộc sở hữu của Nhà nước bao gồm: tài sản đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước; tài sản đầu tư bằng các nguồn vốn khác ngoài nguồn vốn ngân sách nhà nước, tài sản nhà nước nhận chuyển giao sau khi đã xác lập thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về tài sản công; giá trị chênh lệch tăng khi đánh giá lại tài sản của doanh nghiệp.

Ba là, Quỹ Đầu tư phát triển tại doanh nghiệp được hình thành từ nguồn lợi nhuận sau thuế được để lại tại doanh nghiệp. Quỹ Đầu tư phát triển được sử dụng để: xử lý tài chính đối với các dự án kinh doanh thua lỗ do điều kiện khách quan; chi trả tiền lương, tiền công cho các đối tượng do cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn cử, giới thiệu, thuê; thuê kiểm toán báo cáo tài chính; bổ sung vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp để thực hiện các dự án đầu tư, dự án tăng cường năng lực quản trị của doanh nghiệp hoặc điều chuyển giữa các doanh nghiệp theo quyết định của cấp có thẩm quyền (Thủ tướng Chính phủ quyết định việc điều chuyển Quỹ Đầu tư phát triển tương ứng với phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước đầu tư trực tiếp trên 50% vốn điều lệ giữa các cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn; cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn quyết định điều chuyển Quỹ Đầu tư phát triển tương ứng với phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp giữa các doanh nghiệp trong phạm vi quản lý).

Bốn là, lợi nhuận, cổ tức tương ứng với phần vốn nhà nước đầu tư được để lại tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp.

Năm là, phân cấp thẩm quyền phê duyệt chấp thuận chủ trương, quyết định đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo hướng:

- Đối với thành lập mới doanh nghiệp *(bao gồm cả góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp)*: Việc thành lập mới doanh nghiệp nhà nước đầu tư trực tiếp phải được Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt chủ trương. Sau khi chủ trương được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn quyết định thành lập doanh nghiệp.

- Đối với đầu tư bổ sung vốn, góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp: Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư có giá trị từ 15.000 tỷ đồng trở lên, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư có giá trị từ 5.000 tỷ đồng đến 15.000 tỷ đồng; các trường hợp còn lại do cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn quyết định đầu tư, không phải đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư. Sau khi được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương, căn cứ vào nguồn vốn đầu tư, cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn quyết định đầu tư bổ sung vốn, góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp.

*Thứ năm,* cần quy định rõ trong Luật về Hồ sơ, trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp, đầu tư bổ sung vốn, góp vốn, mua cổ phần mua phần vốn góp; trong đó quy định rõ thời gian thực hiện các bước trong quy trình đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp để đảm bảo việc triển khai thực hiện nhanh chóng, kịp thời.

Đối với việc đề nghị chấp thuận chủ trương thành lập mới doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu chủ vốn trình cấp có thẩm quyền quyết định sau khi có ý kiến của các cơ quan liên quan;

Đối với việc đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư bổ sung vốn, góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp, Bộ Tài chính chủ trì trình cấp có thẩm quyền quyết định sau khi có ý kiến của các cơ quan liên quan.

**4. Kết luận**

Việc sửa đổi toàn diện Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp nhằm hoàn thiện thể chế, ổn định môi trường pháp lý cho việc đầu tư vốn nhà nước vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; tạo môi trường pháp lý đầy đủ, ổn định cho hoạt động quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước và doanh nghiệp; đảm bảo tôn trọng, nâng cao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp..., nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước tương xứng với nguồn vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp, đảm bảo doanh nghiệp nhà nước giữ vai trò chủ đạo, vị trí then chốt trong nền kinh tế; huy động và phát huy hết các nguồn lực của khu vực kinh tế nhà nước nói chung, doanh nghiệp nhà nước nói riêng cho phát triển kinh tế - xã hội.

Tài liệu trích dẫn:

[1] Điều 10 Luật số 69/2014/QH13, đầu tư vốn để thành lập doanh nghiệp thuộc phạm vi: (i) cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội; (ii) hoạt động trong lĩnh vực trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh; (iii) hoạt động trong lĩnh vực độc quyền tự nhiên; (iv) ứng dụng công nghệ cao, đầu tư lớn, tạo động lực phát triển nhanh cho các ngành, lĩnh vực khác và nền kinh tế.

Điều 13 Luật số 69/2014/QH13, việc bổ sung vốn đối với doanh nghiệp đang hoạt động chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp thuộc phạm vi thành lập (4 lĩnh vực như đã nêu trên) và thuộc một trong các trường hợp: (i) doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả nhưng vốn điều lệ không bảo đảm thực hiện ngành, nghề kinh doanh chính đã được duyệt; (ii) doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh nhưng vốn điều lệ không bảo đảm thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao.

Điều 16 Luật 69/2014/QH13, việc bổ sung vốn nhà nước để tiếp tục duy trì tỷ lệ cổ phần, vốn góp của Nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thuộc một trong các trường hợp: (i) Không thu hút được các nhà đầu tư Việt Nam và nước ngoài đối với doanh nghiệp cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội; (ii) Cần thiết phải duy trì để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Điều 19 Luật số 69/2014/QH13, việc đầu tư vốn để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp thuộc một trong các trường hợp: (i) Thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế; (ii) Trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh; (iii) Cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội.

[2] Tại Nghị định số 91/2014/NĐ-CP

[3] Gồm: (1) Cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội. (2) Trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh. (3) Lĩnh vực độc quyền tự nhiên. (4) Ứng dụng công nghệ cao, đầu tư lớn, tạo động lực phát triển nhanh cho các ngành, lĩnh vực khác và nền kinh tế (Điều 10, Luật số 69/2014/QH13 về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp).

[4] Khoản 3 Điều 3 Luật số 69/20141/QH13.

[5] Khoản 4 Điều 3 Luật đầu tư công ngày 13/6/2019 (Luật số 39/2019/QH14) có hiệu lực từ ngày 01/01/2019 quy định: “*Điều 3. Áp dụng Luật Đầu tư công, điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế*

*4. Việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước tại doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.*”

[6] Khoản 3.a và khoản 4 Điều 4 Luật Đầu tư ngày 17/6/2020 (Luật số 61/2020/QH14) có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 quy định: “*Điều 4. Áp dụng Luật Đầu tư và các luật có liên quan*

*3. Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật Đầu tư và luật khác đã được ban hành trước ngày Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành về trình tự, thủ tục đầu tư kinh doanh, bảo đảm đầu tư thì thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư, trừ các trường hợp sau đây:*

*a) Việc đầu tư, quản lý, sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước tại doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.*

*…..*

*4. Trường hợp luật khác ban hành sau ngày Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành cần quy định đặc thù về đầu tư khác với quy định của Luật  Đầu tư thì phải xác định cụ thể nội dung thực hiện hoặc không thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư, nội dung thực hiện theo quy định của luật khác đó.*”

Tài liệu tham khảo:

Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2017). Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 03/6/2017 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.

Bộ Chính trị (2020). Kết luận của Bộ Chính trị số 82-KL/TW ngày 29/7/2020 về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/ TW của Bộ Chính trị khóa XI về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp khi giải thể các công ty nông, lâm nghiệp.

Bộ Tài chính (2024). Dự thảo Luật Quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014). Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp (Luật số 69/2014/QH13).

Tác giả: **NGUYỄN ĐÌNH DŨNG**

Nguồn: https://tapchicongthuong.vn/hoan-thien-phap-luat-ve-dau-tu-von-nha-nuoc-vao-doanh-nghiep-138951.htm